

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08/12/2025

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Á

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang C

2. Bà Dương Thị Thu H

-Thư ký phiên tòa: Ông Dương Mạnh H - Thư ký TAND khu vực 1 - Hưng Yên

- Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Y -
Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2025/TLST - HNGĐ ngày 16/10/2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXX- HNGĐ ngày 14/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST- HNGĐ ngày 27/11/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Đặng Hồng N, sinh năm 1986

Địa chỉ: thôn Đỗ Hạ, xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Bị đơn : Anh Ngô Dương H, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn Phúc Tá, xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Người có QLVN liên quan: Cháu Ngô Dương T, sinh ngày 04/9/2009

Người đại diện hợp pháp của cháu: Chị N, anh H - Bố mẹ của cháu

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2025 và lời khai của chị N trình bày: Chị và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc (nay là xã Ân Thi) vào năm 2008. Sau khi thành vợ chồng chị về ngay gia đình chung sống. Vợ chồng có thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Khoảng 10 năm trước vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh H chơi bời không chịu làm ăn, vợ chồng đã nói chuyện nhưng không cải thiện. Do mâu thuẫn, chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó, vẫn liên lạc với nhau vì con, khi chị làm đơn ly hôn anh H, chị

có gọi điện nói chuyện với anh H, anh H nhất trí ly hôn vì xác định không ở với nhau được nữa.

- Về con chung: Có 01 con chung, là cháu Ngô Dương T, sinh ngày 04/9/2009. Hiện cháu T đang ở với anh H và ông bà nội.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết

Ông Ngô Dương Khát (bố đẻ của anh H) trình bày: Anh H, chị N tự tìm hiểu nhau, sau đó được hai gia đình tổ chức cưới, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc (nay là xã Ân Thi) vào năm 2008. Sau khi cưới, chị N về gia đình ông ở. Sau khi sinh con được 06 tháng, anh H chị N chơi bời nên vợ chồng cãi nhau, chị N để con lại cho gia đình ông nuôi, được khoảng vài năm anh chị lại về ở với nhau, nhưng chỉ chung sống được khoảng 02 năm vợ chồng không ở với nhau nữa, đến nay anh chị đã sống ly thân nhau gần 10 năm. Khi chị N làm đơn ly hôn anh H, chị N có đến gia đình ông nói chuyện, các cháu đã hết duyên, không còn tình cảm với nhau nên giải thoát cho nhau, khi anh H gọi điện cho ông, anh H trình bày quan điểm vợ chồng không còn tình cảm nên nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Dương T, sinh năm 2009. Hiện nay cháu đang ở với vợ chồng tôi do anh H đi làm ở tỉnh Bình Định.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có

Ông Đặng Quang Báu (bố đẻ của chị N) trình bày: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị N trình bày. Sau khi cưới chị N về gia đình chồng chung sống, được vài năm thì anh chị mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng cãi nhau, anh H chơi bời, chị N và gia đình khuyên bảo nhưng anh H không nghe, vì thế năm 2014 chị N về nhà ông ở, khoảng vài năm trước ông thấy anh chị nói làm đơn ly hôn ra Tòa nhưng lại không giải quyết, kể từ khi chị N về nhà ông, anh H không đến nhà ông, chỉ có cháu T được mẹ đón đến chơi. Đến nay chị N, anh H đã sống ly thân nhau 10 năm, không ai còn quan tâm đến ai, chị N xin ly hôn anh H đề nghị Tòa giải quyết cho anh chị ly hôn. Anh H, chị N có 01 con chung là Ngô Dương T, sinh năm 2009. Về tài sản chung: Không có

Cháu Ngô Dương T (con trai của chị N, anh H) trình bày: Hiện nay cháu đang học lớp 11, cháu đang ở với ông bà nội và bố từ nhỏ cho đến nay, đã nhiều năm nay bố mẹ cháu không ở với nhau nguyên nhân là do không hợp nhau, mẹ cháu về ông bà ngoại ở, bố cháu làm gỗ ở Bình Định, địa chỉ cháu không rõ, hàng ngày bố cháu vẫn liên lạc cho ông bà nội và cháu. Bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập và lấy lời khai của anh H nhưng ông Ngô Dương Khát trình bày anh Huỳnh làm ăn ở Bình Định không về được, vì vậy trong hồ sơ không có tài liệu thể hiện quan điểm của anh H.

Tại phiên tòa: Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do

Đại diện VKSND khu vực 1 – Hưng Yên phát biểu ý kiến:

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 73, 78 BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị N, đề nghị HĐXX tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị N được ly hôn với anh H.

Về con chung: Tuyên xử giao cháu Ngô Dương T sinh ngày 04/9/2009 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi, chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H.

Vì quyền lợi của con chung: Chị N có quyền đi lại, thăm nom con chung không được ai cản trở. Anh H và chị N hoặc các tổ chức cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp với hai bên gia đình: không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc (nay là xã Ân Thi), tỉnh Hưng Yên vào ngày 02/12/2008. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh H, chị N là hợp pháp. Nay chị N có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh H có nơi cư trú tại thôn Phúc Tá, xã Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa

án nhân dân khu vực 1, tỉnh Hưng Yên, theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án theo khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị N xác định vợ chồng chung sống được một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H chơi bời được khuyên nhưng không nghe, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không còn quan tâm chăm lo đến nhau mà mỗi người sống một nơi đã 10 năm nay phù hợp với lời khai của ông Báu, ông Khát, cháu T. Quá trình giải quyết vụ án, qua gia đình, anh H có quan điểm vợ chồng không ở được với nhau nữa nên chị N ly hôn, anh Huỳnh đồng ý, tuy nhiên anh H không có văn bản ý kiến gửi về Tòa án, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã có thời gian dài mâu thuẫn mà không có biện pháp gì để khắc phục, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân thời gian dài, bỏ mặc nhau, vì vậy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh H của chị N là phù hợp với thực trạng hôn nhân của anh chị nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh H, chị N có 01 con chung là Ngô Dương T, sinh ngày 04/9/2009. Hiện cháu đang ở với ông bà nội. Quá trình giải quyết vụ án chị N có nguyện vọng để anh H tiếp tục nuôi con chung, xét thấy nguyện vọng chị N là phù hợp với nguyện vọng của cháu T, nguyện vọng của gia đình anh H, thông qua gia đình anh H cũng có nguyện vọng được nuôi con chung vì từ nhỏ cháu T đã ở với ông bà nội và bố, vì vậy để tránh sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, HĐXX giao con chung cho anh H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Quan điểm của anh H và gia đình anh H không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, công sức, công nợ và các vấn đề khác: Anh Huỳnh, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228, Điều 238 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Hồng N

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Hồng N được ly hôn anh Ngô Dương H.

2- Về con chung: Giao cho anh Ngô Dương H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Dương T, sinh ngày 04/9/2009 đến khi đủ tuổi thành niên.

Công nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, anh H, chị N hoặc tổ chức cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Chị Đặng Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0002230 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị N đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị N, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND cùng cấp;
- THA dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Đương sự;
- UBND xã Ân Thi, Hưng Yên;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ái

